

NÂNG CAO NĂNG LỰC SỰ PHẠM CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC

Đinh Thị Mận, Trần Thị Thuý Nga
Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai

Tóm tắt: Nâng cao năng lực sự phạm cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non là yêu cầu quan trọng trong bối cảnh đổi mới giáo dục và chuyển đổi số hiện nay. Bài viết tập trung nghiên cứu thực trạng năng lực sự phạm của sinh viên hệ cao đẳng, đại học tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai thông qua khảo sát 223 sinh viên bằng bảng hỏi theo thang đo Likert 5 mức. Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực sự phạm của sinh viên nhìn chung đạt mức khá, song vẫn còn hạn chế ở các năng lực thực hành sự phạm, xử lý tình huống và ứng dụng công nghệ giáo dục. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất bốn giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao năng lực sự phạm cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, bao gồm: đẩy mạnh đào tạo thực tiễn gắn với môi trường giáo dục số; tổ chức các khóa học chuyên đề nhằm nâng cao năng lực sự phạm và năng lực số; phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên trong môi trường học tập số; và tăng cường sử dụng công nghệ giáo dục trong đào tạo. Các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Năng lực sự phạm; Giáo dục Mầm non; sinh viên; chuyển đổi số; năng lực số.

ENHANCING PEDAGOGICAL COMPETENCIES FOR EARLY CHILDHOOD EDUCATION STUDENTS TO MEET THE REQUIREMENTS OF THE 2018 GENERAL EDUCATION CURRICULUM AND DIGITAL TRANSFORMATION IN EDUCATION

Abstract: Enhancing pedagogical competence for students majoring in Early Childhood Education is a critical requirement in the context of educational innovation and digital transformation. This study investigates the current state of pedagogical competence among college and university students at Thai Nguyen University – Lao Cai Campus through a survey of 223 students using a five-point Likert scale questionnaire. The research findings indicate that students' pedagogical competence is generally at a fairly good level; however, limitations remain in practical teaching skills, pedagogical situation handling, and the application of educational technology. Based on these findings, the paper proposes four key solutions to enhance pedagogical competence for Early Childhood Education students, including: strengthening practice-oriented training associated with a digital educational environment; organizing thematic courses to improve pedagogical and digital competencies; developing students' soft skills in a digital learning environment; and enhancing the use of educational technology in training. These solutions are expected to contribute to improving the quality of early childhood teacher education and meeting the requirements of educational reform and digital transformation in the current period.

Keywords: Pedagogical competence; Early Childhood Education; students; digital transformation; digital competence.

Nhận bài: 23/11/2025

Phản biện: 18/12/2025

Duyệt đăng: 22/12/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đặt ra yêu cầu cấp thiết về nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, trong đó giáo viên mầm non giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành những nền tảng ban đầu về nhân cách, trí tuệ và năng lực cho trẻ em (Ban Chấp hành Trung ương, 2013). Việc triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 với định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học tiếp tục khẳng định vai trò then chốt của đội ngũ giáo viên, đòi hỏi các cơ sở đào tạo sự phạm phải đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn giáo dục trong giai đoạn mới (Bộ Giáo dục và Đào tạo [Bộ GD&ĐT], 2018).

Trong bối cảnh đó, năng lực sự phạm của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non không chỉ được hiểu là khả năng truyền đạt kiến thức, mà còn bao gồm năng lực tổ chức hoạt động giáo dục, chăm sóc và bảo vệ trẻ; năng lực thiết kế môi trường giáo dục; năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ; cũng như năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy trẻ làm trung tâm (Nguyễn Thị Hạnh & Trần Thị Thu, 2020). Đây là những yêu cầu cốt lõi của giáo viên mầm non trong giai đoạn thực hiện chương trình giáo dục mới, đòi hỏi sinh viên sự phạm phải được trang bị đầy đủ ngay từ quá trình đào tạo ban đầu.

Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực giáo dục quan trọng cho khu vực trung du và miền núi phía Bắc, nơi

có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, đặc thù về văn hóa, ngôn ngữ và đối tượng trẻ mầm non đa dạng. Thực tiễn cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, năng lực sư phạm của một bộ phận sinh viên ngành Giáo dục Mầm non vẫn còn hạn chế, đặc biệt trong việc vận dụng lý luận vào thực tiễn, xử lý tình huống sư phạm, tổ chức hoạt động trải nghiệm và thích ứng với yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục (Lê Thị Mai, 2021). Điều này đặt ra yêu cầu cần có những giải pháp đồng bộ, khoa học nhằm nâng cao năng lực sư phạm cho sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra và đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Xuất phát từ những yêu cầu lý luận và thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai có ý nghĩa thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực giáo dục địa phương trong giai đoạn hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Bồi dưỡng năng lực sư phạm cho sinh viên

2.1.1. Năng lực sư phạm

Năng lực sư phạm là tổng hợp các tri thức, kỹ năng, thái độ và phẩm chất nghề nghiệp cho phép người giáo viên thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học, giáo dục và chăm sóc người học trong những điều kiện cụ thể của thực tiễn giáo dục. Đối với giáo viên mầm non, năng lực sư phạm không chỉ giới hạn ở năng lực dạy học mà còn bao gồm năng lực tổ chức hoạt động giáo dục toàn diện, năng lực giao tiếp sư phạm, năng lực quan sát, đánh giá sự phát triển của trẻ, năng lực phối hợp với gia đình và cộng đồng, cũng như năng lực thích ứng với sự đổi mới của chương trình giáo dục (Trần Thị Tuyết Oanh, 2017).

Tiếp cận theo định hướng phát triển năng lực, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 xác định giáo viên giữ vai trò là người tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ quá trình học tập của trẻ, lấy trẻ làm trung tâm, tôn trọng sự khác biệt và phát huy tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân (Bộ GD&ĐT, 2018). Điều này đòi hỏi sinh viên ngành Giáo dục Mầm non ngay từ giai đoạn đào tạo ban đầu phải được hình thành và phát triển đầy đủ các thành tố của năng lực sư phạm, bảo đảm khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức lý luận vào thực tiễn nghề nghiệp.

Trong đào tạo giáo viên mầm non, năng lực sư

phạm thường được cấu trúc thành các nhóm năng lực cơ bản như: năng lực chuyên môn; năng lực dạy học và giáo dục; năng lực tổ chức môi trường giáo dục; năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ; năng lực giao tiếp, ứng xử sư phạm; và năng lực tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn (Nguyễn Thị Hạnh & Trần Thị Thu, 2020). Việc phát triển đồng bộ các nhóm năng lực này là điều kiện tiên quyết để sinh viên đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

2.1.2. Các yếu tố quan trọng để phát triển năng lực sư phạm

Phát triển năng lực sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non chịu sự tác động của nhiều yếu tố, trong đó có thể khái quát một số yếu tố quan trọng sau:

Thứ nhất, *chương trình và nội dung đào tạo*. Chương trình đào tạo cần được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, tăng cường các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực hành, thực tập tại cơ sở giáo dục mầm non. Nội dung đào tạo phải thường xuyên được cập nhật, phù hợp với yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và bối cảnh giáo dục địa phương (Bộ GD&ĐT, 2018).

Thứ hai, *phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*. Việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như học theo dự án, dạy học trải nghiệm, mô phỏng tình huống sư phạm, nghiên cứu bài học... có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực sư phạm cho sinh viên. Các hình thức tổ chức dạy học linh hoạt, gắn với thực tiễn nghề nghiệp sẽ giúp sinh viên nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống giáo dục cụ thể (Đặng Thành Hưng, 2019).

Thứ ba, *đội ngũ giảng viên và môi trường đào tạo*. Giảng viên không chỉ là người truyền thụ tri thức mà còn là hình mẫu về phẩm chất và năng lực nghề nghiệp cho sinh viên noi theo. Trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm và kinh nghiệm thực tiễn của giảng viên có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng bồi dưỡng năng lực sư phạm cho sinh viên. Bên cạnh đó, môi trường đào tạo sư phạm thân thiện, chuyên nghiệp, giàu tính trải nghiệm cũng góp phần thúc đẩy sự hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp của sinh viên (Trần Thị Tuyết Oanh, 2017).

Thứ tư, *ý thức tự học và rèn luyện của sinh viên*. Năng lực sư phạm không thể hình thành một cách thụ động mà đòi hỏi sinh viên phải tích cực, chủ động trong học tập, thực hành và tự bồi dưỡng.

Khả năng tự học, tự đánh giá và điều chỉnh hoạt động học tập là yếu tố quan trọng giúp sinh viên thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục và phát triển bền vững năng lực nghề nghiệp trong tương lai (Nguyễn Thị Hạnh & Trần Thị Thu, 2020).

2.2. Thực trạng năng lực sư phạm của sinh viên

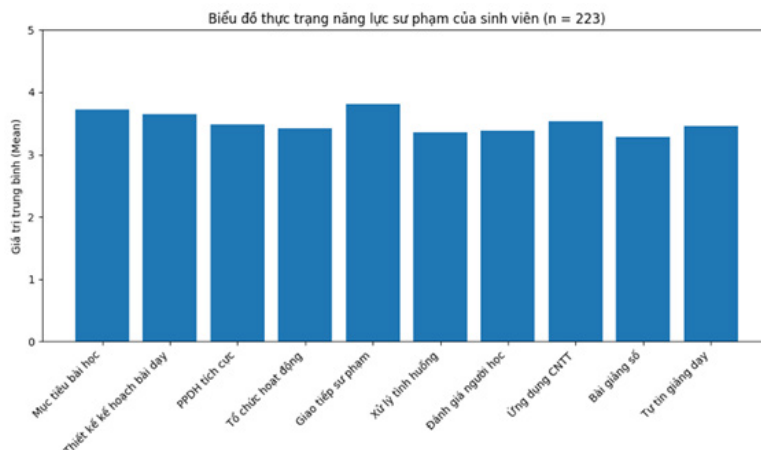
Nhằm đánh giá thực trạng năng lực sư phạm của sinh viên hệ cao đẳng và đại học tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 223 sinh viên ($n = 223$)

bằng bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, từ 1 – Hoàn toàn không đồng ý đến 5 – Hoàn toàn đồng ý. Nội dung khảo sát tập trung vào các thành tố cốt lõi của năng lực sư phạm, bao gồm: năng lực thiết kế bài học, năng lực tổ chức hoạt động dạy học, năng lực giao tiếp sư phạm, năng lực đánh giá người học và năng lực ứng dụng công nghệ trong dạy học. Mức đánh giá: 1,00–1,80: Rất thấp; 1,81–2,60: Thấp; 2,61–3,40: Trung bình; 3,41–4,20: Khá; 4,21–5,00: Tốt

Bảng 1. Thực trạng năng lực sư phạm của sinh viên ($n = 223$)

TT	Nội dung đánh giá năng lực sư phạm	Mean	SD	Mức đánh giá
1	Sinh viên có khả năng xây dựng mục tiêu bài học rõ ràng, phù hợp với đối tượng người học	3,72	0,68	Khá
2	Sinh viên biết thiết kế kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển năng lực	3,65	0,71	Khá
3	Sinh viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực	3,48	0,75	Trung bình khá
4	Sinh viên có kỹ năng tổ chức hoạt động học tập cho người học	3,42	0,77	Trung bình khá
5	Sinh viên có kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm phù hợp	3,81	0,64	Khá
6	Sinh viên có khả năng xử lý các tình huống sư phạm phát sinh	3,36	0,79	Trung bình khá
7	Sinh viên thực hiện đánh giá kết quả học tập của người học đúng quy trình	3,39	0,76	Trung bình khá
8	Sinh viên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ dạy học	3,54	0,73	Khá
9	Sinh viên thiết kế bài giảng điện tử, học liệu số phục vụ dạy học	3,28	0,81	Trung bình
10	Sinh viên tự tin khi thực hành giảng dạy và thực tập sư phạm	3,46	0,74	Trung bình khá
Điểm trung bình chung năng lực sư phạm		3,51	0,74	Khá

Mức đánh giá: 1,00–1,80: Rất thấp; 1,81–2,60: Thấp; 2,61–3,40: Trung bình; 3,41–4,20: Khá; 4,21–5,00: Tốt



Kết quả khảo sát cho thấy, nhìn chung năng lực sư phạm của sinh viên đang ở mức khá, với điểm trung bình dao động trong khoảng 3,4 – 3,8. Phần lớn sinh viên (trên 65%) lựa chọn mức “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” đối với các phát biểu phản ánh khả năng nắm vững kiến thức chuyên môn và hiểu biết cơ bản về phương pháp dạy học. Điều này cho thấy sinh viên đã có nền tảng nhất định về lý luận sư phạm được hình thành thông qua các học phần chuyên ngành và nghiệp vụ.

Tuy nhiên, ở các tiêu chí liên quan đến kỹ năng thực hành sư phạm, đặc biệt là năng lực tổ chức hoạt động học tập tích cực, xử lý tình huống sư phạm và đánh giá kết quả học tập của người học, điểm trung bình chỉ đạt ở mức trung bình khá (khoảng 3,2 – 3,5). Một bộ phận sinh viên (khoảng 20–25%) còn bày tỏ sự phân vân hoặc chưa tự tin, thể hiện qua lựa chọn mức “Bình thường” đối với các phát biểu liên quan đến việc vận dụng linh hoạt phương pháp dạy học và quản lý lớp học.

Đáng chú ý, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học được sinh viên đánh giá chưa đồng đều. Mặc dù nhiều sinh viên có khả năng sử dụng các công cụ trình chiếu và phần mềm hỗ trợ học tập cơ bản, song việc thiết kế bài giảng số, tổ chức hoạt động học tập trực tuyến và khai thác hiệu quả các nền tảng số trong dạy học vẫn còn hạn chế, với điểm trung bình chỉ đạt khoảng 3,3.

Như vậy, thực trạng khảo sát cho thấy năng lực sư phạm của sinh viên Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai đã có những chuyển biến tích cực, song vẫn tồn tại khoảng cách nhất định giữa kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng đặt ra yêu cầu cần tăng cường các giải pháp bồi dưỡng, rèn luyện năng lực sư phạm cho sinh viên theo hướng gắn lý thuyết với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

2.3. Giải pháp nâng cao năng lực sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai

Biện pháp 1: Đẩy mạnh đào tạo thực tiễn gắn với môi trường giáo dục số nhằm nâng cao năng lực sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.

Biện pháp nhấn mạnh yêu cầu tăng cường thực hành, kiến tập và thực tập sư phạm theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết tại trường với thực tiễn nghề nghiệp ở các cơ sở giáo dục mầm non. Quá trình đào tạo thực tiễn cần được thiết kế theo lộ trình phù hợp, bảo đảm sinh viên được tham gia thường xuyên vào hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ, quản lý lớp, xử lý tình huống sư phạm và rèn luyện tác phong nghề nghiệp. Điểm mới của

biện pháp là đưa sinh viên vào môi trường giáo dục có ứng dụng công nghệ: khai thác học liệu số, sử dụng phần mềm hỗ trợ dạy học, quay video giờ dạy để phân tích – đánh giá, tổ chức các giờ dạy mô phỏng (microteaching) trên nền tảng số. Thông qua các trải nghiệm đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số, từng bước hình thành và nâng cao năng lực sư phạm toàn diện.

Điều kiện thực hiện gồm: nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo thực tiễn phù hợp chương trình đào tạo; đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị và hạ tầng công nghệ phục vụ thực hành – thực tập; tăng cường phối hợp với các cơ sở mầm non trên địa bàn để tổ chức kiến tập, thực tập; đồng thời bồi dưỡng giảng viên và giáo viên hướng dẫn về năng lực số và phương pháp tổ chức đào tạo thực tiễn trong môi trường giáo dục số nhằm bảo đảm hiệu quả triển khai.

Biện pháp 2. Tổ chức các khóa học chuyên đề nhằm nâng cao năng lực sư phạm và năng lực số cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.

Biện pháp tập trung xây dựng các khóa học chuyên đề ngắn hạn, hướng vào những nội dung thiết thực, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non trong thời kỳ chuyển đổi số. Nội dung chuyên đề có thể bao gồm: phương pháp giáo dục mầm non hiện đại; đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực; ứng dụng công nghệ trong tổ chức hoạt động giáo dục và chăm sóc trẻ; thiết kế học liệu số, quản lý lớp học trong môi trường số, và khai thác nền tảng dạy học trực tuyến. Các khóa học chuyên đề cần thiết kế linh hoạt, kết hợp học trực tiếp và trực tuyến để tạo điều kiện cho sinh viên chủ động học tập, cập nhật tri thức mới, đồng thời rèn luyện kỹ năng sư phạm và kỹ năng công nghệ. Nhờ đó, sinh viên được bổ sung năng lực nghề nghiệp theo hướng hiện đại, vừa vững chuyên môn vừa từng bước nâng cao năng lực số.

Điều kiện thực hiện gồm: nhà trường có kế hoạch cụ thể, lựa chọn nội dung phù hợp chương trình đào tạo; huy động đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm, am hiểu thực tiễn và có năng lực số; mời chuyên gia và giáo viên mầm non giỏi chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm; đồng thời bảo đảm cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, nền tảng học trực tuyến để tổ chức chuyên đề hiệu quả.

Biện pháp 3. Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên trong môi trường học tập số

Cách thực hiện biện pháp

Biện pháp đặt trọng tâm vào việc phát triển các kỹ năng mềm thiết yếu cho sinh viên giáo dục mầm non như: giao tiếp sư phạm, làm việc nhóm, quản lý cảm xúc, giải quyết vấn đề và thích ứng với môi trường làm việc đa dạng. Việc rèn luyện

kỹ năng mềm cần được lồng ghép hệ thống trong các học phần chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và các hoạt động trải nghiệm, thực hành nghề nghiệp. Đồng thời, tận dụng nền tảng số để tổ chức thảo luận, làm việc nhóm trực tuyến, phản hồi – đánh giá lẫn nhau, từ đó tạo môi trường học tập tương tác và hợp tác. Thông qua các hoạt động học tập trong môi trường số, sinh viên vừa nâng cao năng lực giao tiếp – phối hợp, vừa hình thành phong cách làm việc chuyên nghiệp, phù hợp yêu cầu nghề giáo viên mầm non trong bối cảnh chuyển đổi số.

Điều kiện thực hiện gồm: nhà trường xây dựng kế hoạch tích hợp phát triển kỹ năng mềm vào chương trình đào tạo một cách phù hợp; bồi dưỡng giảng viên về phương pháp dạy học phát triển kỹ năng mềm và sử dụng nền tảng số; bảo đảm hạ tầng công nghệ, hệ thống học tập trực tuyến và môi trường học tập thân thiện để sinh viên tham gia tích cực vào các hoạt động rèn luyện.

Biện pháp 4. Tăng cường sử dụng công nghệ giáo dục nhằm nâng cao năng lực sư phạm

Biện pháp hướng đến việc tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận, thực hành và ứng dụng hiệu quả công nghệ giáo dục trong quá trình học tập và rèn luyện nghiệp vụ. Nhà trường cần tăng cường sử dụng hệ thống quản lý học tập (LMS), phần mềm thiết kế bài giảng điện tử, học liệu số và các nền tảng hỗ trợ tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp đặc thù mầm non. Việc ứng dụng công nghệ cần được lồng ghép trong các học phần chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và quá trình thực hành – thực tập, giúp sinh viên rèn kỹ năng thiết kế bài giảng, tổ chức hoạt động dạy học, đánh giá trẻ trong môi trường số. Qua đó, sinh viên không chỉ nâng cao năng lực sư phạm mà còn phát triển năng lực số, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

Điều kiện thực hiện gồm: nhà trường đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị và hạ tầng công nghệ; bồi dưỡng giảng viên về năng lực số và kỹ năng sử dụng công nghệ giáo dục; xây dựng cơ chế khuyến khích sinh viên chủ động khai thác công nghệ trong học tập và rèn luyện nghiệp vụ, nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện biện pháp.

III. KẾT LUẬN

Nâng cao năng lực sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo gắn với chuyển đổi số hiện nay. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng năng lực sư phạm của 223 sinh viên hệ cao đẳng, đại học tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai, nghiên cứu cho thấy năng lực sư phạm của sinh viên nhìn chung đạt mức khá, song vẫn còn những hạn chế nhất định, đặc biệt ở các năng lực thực hành, xử lý tình huống sư phạm và ứng dụng công nghệ giáo dục.

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên có ưu thế ở các tiêu chí liên quan đến giao tiếp sư phạm, xây dựng mục tiêu bài học và nhận thức về vai trò nghề nghiệp; tuy nhiên, năng lực tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá trẻ và thiết kế bài giảng số chưa thực sự đồng đều. Những hạn chế này phản ánh khoảng cách giữa kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực tiễn, cũng như yêu cầu ngày càng cao về năng lực số của giáo viên mầm non trong giai đoạn hiện nay.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất bốn biện pháp trọng tâm nhằm nâng cao năng lực sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai, bao gồm: (1) đẩy mạnh đào tạo thực tiễn gắn với môi trường giáo dục số; (2) tổ chức các khóa học chuyên đề nhằm nâng cao năng lực sư phạm và năng lực số; (3) phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên trong môi trường học tập số; và (4) tăng cường sử dụng công nghệ giáo dục trong đào tạo. Các biện pháp này có mối quan hệ chặt chẽ, bổ trợ lẫn nhau, hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện năng lực nghề nghiệp và năng lực số cho sinh viên.

Có thể khẳng định rằng, việc triển khai đồng bộ và hiệu quả các biện pháp nêu trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành Giáo dục Mầm non, giúp sinh viên đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tiễn của nghề nghiệp và thích ứng với xu thế chuyển đổi số trong giáo dục. Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học và thực tiễn để Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai tiếp tục hoàn thiện chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Hà Nội: Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Lê Thị Mai. (2021). Thực trạng năng lực sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục. *Tạp chí Giáo dục*, 503, 45–49.
- Nguyễn Thị Hạnh, & Trần Thị Thu. (2020). Phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm mầm non theo tiếp cận năng lực. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 34, 12–18.
- Đặng Thành Hưng. (2019). *Dạy học theo tiếp cận năng lực*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Trần Thị Tuyết Oanh. (2017). *Giáo dục học mầm non*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.